HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)

Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)

Số trẻ: 135

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Bánh mì sandwich ốp la hột gà, nước tương, hành lá
- Uống sữa Netsure

Trưa: Cơm trắng
- Thịt ba chỉ rim nước mắm, hành lá
- Canh củ dền, su hào nấu thịt bò, hành ngò
- Cải thảo luộc

Xế: Dưa lưới

Xế chiều: Bún gạo nấu tôm tươi, cà chua, đậu hủ, củ cải, rau muống, húng quế

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	N7352	Dầu ăn Tường An 400ml	500	7,850	39,250
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	N7353	Nước mắm Nam Ngư 500 ml	1,300	9,900	128,700
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	7,300	2,560	186,880
6	0120	Hành lá (hành hoa)	400	5,360	21,440
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	150	8,820	13,230
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	150	6,300	9,450
9	0185	Tỏi ta	150	7,560	11,340
10	0708	Bánh mì sandwich	3,600	8,250	297,000
11	0530	Nước tương (xì dầu)	800	5,720	45,760
12	0451	Trứng gà công nghiệp	4,800	7,333.3	351,998
13	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	3,800	22,050	837,900
14	N0770	Thịt nạc dăm	1,500	18,900	283,500
15	N0795	Củ dền	1,900	5,250	99,750
16	0178	Su hào	1,900	4,940	93,860
17	0286	Thịt bò loại II	1,000	37,380	373,800
18	0191	Cải thảo	1,200	3,990	47,880
19	0653	Bún khô	2,000	6,600	132,000
20	0087	Cà chua	1,500	6,300	94,500
21	0103	Củ cải trắng	600	3,150	18,900
22	0158	Rau húng	150	11,130	16,695
23	0748	Rau muống	400	3,470	13,880
24	0424	Tôm sú	1,700	36,540	621,180

25	N0809	Đậu hũ chiên	800	4,620	36,960
26	0457	Sữa bột toàn phần	3,706.28	20,500	759,787
27	0667	Dưa lưới	6,500	6,200	403,000
Tổng chợ					4,995,000

Tổng tiền thực phẩm	4,995,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,995,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	55,648,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	55,647,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG	CẤP DƯỠNG	KẾ TOÁN
U.B.N.D XÃ DẦU TIẾNG T.P HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG MẦM NON ĐỊNH AN		
Nguyễn Thị Huỳnh Lê	Trần Thị Khánh Ly	Ngô Thị Ngọc Lan